

Japanese version No.
日语版日程表号码
일본어판 달력 번호
Số hiệu lịch thu gom
rác bản tiếng Nhật

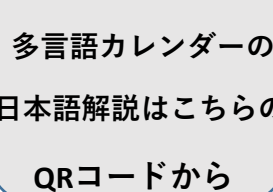
英語

中国語

韓國語

ベトナム

ごみカレンダー



***Để biết nơi vứt rác (điểm thu gom rác), vui lòng liên hệ với văn phòng quản lý tòa nhà hoặc chính quyền địa phương**

Spray cans, fluorescent tubes, etc.
 喷雾罐类·荧光管等
 스프레이캔류·형광등 등
 Bình xịt, bóng đèn huỳnh quang, v.v

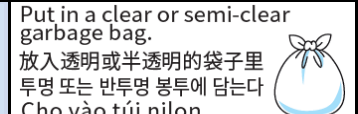
Sun 星期天 일요일 chủ nhật	Mon 星期一 월요일	Tue 星期二 화요일	Wed 星期三 수요일	Thu 星期四 목요일	Fri 星期五 금요일	Sat 星期六 토요일
Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	
July 7월 7월 Tháng 7						
			1	2 可	3 燈	4 燈
5	6 可	7 藥水	8 不	9 可	10 書	11 燈
12	13 可	14 桶	15	16 可	17	18 燈
19	20 可	21 藥水	22	23 可	24 書	25 燈
26	27 可	28 桶	29	30 可	31 燈	

November		11月		11월		Tháng 11	
1	2	3	4	5	6	7	
	可			可			
8	9	10	11	12	13	14	
	可			可			
15	16	17	18	19	20	21	
	可			可			
22	23	24	25	26	27	28	
	可		不	可			
29	30						
	可						

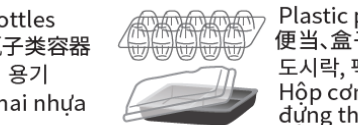
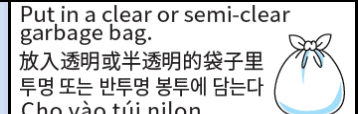
ng của bão, v.v. việc thu gom rác có thể bị tạm
ng xem mặt sau để biết thông tin liên hệ)

March		3月	3월	Tháng 3		
	1 可	2 	3	4 可	5	6 
7	8 可	9 	10	11 可	12 	13 
14	15 可	16 	17	18 可	19 	20 
21	22 可	23 	24 不	25 可	26 	27 
28	29 可	30 	31			

*Thông tin liên hệ về rác thải, các loại rác thải không thể vứt ở điểm thu gom rác và địa chỉ các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải được ghi ở mặt sau.



装油、化妆品和药物的金属罐和玻璃瓶按不可燃物分类
기름이 들어 있던 캔류와 병
Lon và chai đựng dầu,
vỏ mỹ phẩm, lọ thuốc
thuộc loại rác không cháy
được

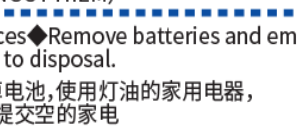


 Plastic containers that are difficult to clean can be disposed of as burnable garbage.
 塑料记号标记, 但是难以去除污渍的物品按可燃物分类
 플라스틱 마크가 있으나, 오염이 지워지지 않는 것은 가연물쓰레기로 버린다
 Những đồ vật có ký hiệu nhựa tái chế nhưng khó làm sạch sẽ được xử lý như rác cháy được.



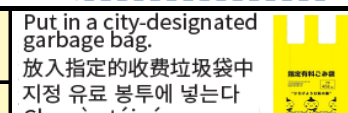
Dispose of slim and elongated objects that are no longer than 1 meter, such as golf clubs and umbrellas, by tying them together and placing them in a designated garbage bag.

高尔夫球杆、雨伞等细长物品



골프 클럽, 우산 등의 길쭉한 것은 1m 이내라면 지정 유료 봉투로 묶어서 버릴 수 있다.

Gậy golf, ô và các vật dài khác có thể buộc cho vào túi rác có phí theo quy định để vứt nếu có chiều dài không quá 1m



Put in a city-designated
garbage bag.
放入指定的收费垃圾袋中
지정 유료 봉투에 넣는다
Cho vào túi rác
có phí theo quy định



Wood products, etc.
木工制品等
목공 제품 등





◆Maximum Length:50cm
Maximum Width: 5cm
◆长度50cm以内 宽度5cm以内
◆길이 50cm 이내 넓이 5cm 이내
◆Chiều dài không quá 50cm
Đường kính không quá 5cm





塑料膜类
thủy, nilo

Tree branches and plants can be placed in clear or semi-clear bags.

修剪后的废枝及花草放在透明或半透明的口袋里扔出

잘라낸 가지나 화초는 투명하거나 반투명한 봉지에 버릴 수 있다

Cành cây vụn, hoa dại có thể cho vào túi trong suốt hoặc mờ để vứt



disposable diapers, photos, receipts, etc.)

(票等)

사진, 영수증 등)



Suits, underwear, dirty clothes, blankets, etc.

西装、内衣、脏衣服、抹布、양복, 속옷, 더러워진 옷, 담요, Vest, đồ lót, quần áo



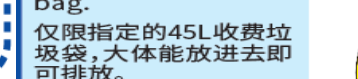
Please see the back page for instructions on how to properly dispose of items with batteries such as e-cigarettes, lithium-ion batteries, portable batteries, and smartphones.

■ 电子烟、锂离子电池、手机电池、
■ 手机等请参考背页。
■ 전자 담배, 리튬 이온 배터리, 모바일 배터
■ 리, 휴대폰 등은 뒷면을 참조하십시오.

Để biết cách vứt thuốc lá điện tử,
pin lithium-ion, pin sạc dự phòng,
điện thoại di động và các thiết bị
khác, vui lòng xem mặt sau

These types of objects can be disposed of if they fit in the 45L designated garbage bag.

Electric Fan
電風扇等
선풍기 등
Quạt điện,



45L의 지정 유료 쓰레기 봉투만 대략 넣으면 버릴 수 있다.

Chi được bỏ vào túi rác có phí theo quy

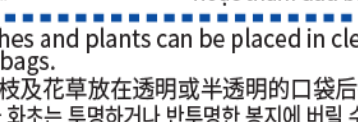
◆ Use either an oil solidifier or absorb the oil with



Cooking oil
食用油
식용유
Dầu ăn

◆ 응고제로 굳게 하거나 종
천으로 기름을 닦는다.

◆ Đông đặc bằng chất đ
hoặc thấm dầu bằng giấ



Suits, underwear, dirty clothes, blankets, etc.
 西装、内衣、脏衣服、抹布、양복, 속옷, 더러워진 옷, 담요, Vest, đồ lót, quần áo

Garbage that must not be disposed of at collection stations
不能放在垃圾站的垃圾
쓰레기 스테이션에 낼 수 없는 쓰레기
Rác thải không thể vứt ở điểm thu gom rác



Oversized and unusually large amounts of garbage	大件垃圾, 一次性大量垃圾
대형 쓰레기, 일시적 다량 쓰레기	Rác công kênh, rác phát sinh số lượng lớn

Large amounts of garbage from moving or cleaning.
 大型家具或为搬家进行大扫除等产生的大量垃圾
 대형 가구와 이사, 대청소 등으로 쏟아져 나온 쓰레기
 Rác thải số lượng lớn phát sinh từ việc chuyển nhà, tổng vệ sinh hay đồ nội thất lớn

Large blankets, tatami mats, large carpets, etc.
 厚被褥、榻榻米、地毯等 큰 이불이나 다다미, 큰 카펫 등
 Nệm lớn, chiếu, thảm lớn, v.v.

Sand, rocks, Concrete blocks, Concrete fragments, bricks.
 砂、石头、混凝土砌块、混凝土碎片、砖
 모래, 돌, 콘크리트 블록, 콘크리트 파편, 벽돌
 Cát, đá, khối bê tông, mảnh bê tông, gạch, v.v.

These items can be collected for a fee or can be taken directly to the city garbage disposal facility. (Items from businesses excluded.)
 可以选择收费回收或送至、市指定的处理中心。(除项目活动中产生的垃圾)。
 유료 수집을 이용하거나, 시 처리 시설에 반입할 수 있습니다 (사업 활동에서 발생한 것은 제외).
 Có thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. (Không bao gồm rác thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh)

Used Household Batteries	二手小型家电	Small Rechargeable Batteries	小型充电电池等
사용한 소형 가전	Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng	소형 충전식 전지 등	Pin sạc nhỏ, v.v.

Drop-off Bin for Small Household Electronic Waste
二手小家电回收箱 사용한 소형 가전 회수 박스
Hộp thu gom đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng

digital cameras, electrical cords, phones, video cameras, etc.
 数码相机、电源线、电话、摄像机等
 디지털 카메라, 전원 코드, 전화기, 캠코더 등
 Máy ảnh kỹ thuật số, dây sạc, điện thoại, máy quay phim, v.v.

Limited to compact home appliances that can fit in the drop-off box (15cm×25cm).
 仅限于可放入(15cm×25cm)的小型家电。
 투입구 (15cm×25cm)에 들어가는 소형 가전에 한합니다.
 Chỉ thu gom các đồ điện gia dụng loại nhỏ có thể nhét vừa khe hộp(15cm×25cm).

Drop-Off Bin for Small Rechargeable Batteries
小型充电电池等回收箱 소형 충전식 배터리 등 회수 박스
Hộp thu gom pin sạc nhỏ

mobile batteries, heated tobacco products (HTP), lithium-ion batteries, electronic cigarettes, etc.
 手机电池、加热香烟、锂离子电池、电子烟等
 모바일 배터리, 가열식 담배, 리튬 이온 배터리, 전자 담배 등
 Pin sạc dự phòng, thuốc lá dạng đốt nóng, pin lithium-ion, thuốc lá điện tử, v.v.

Please cover rechargeable battery terminals with non-conductive tape such as plastic tape.
 小型充电电池、请在端部粘上胶带进行绝缘处理。
 소형 충전식 전지는 단자 부분에 셀로판 테이프 등을 붙여 절연하십시오.
 Vui lòng dán băng dính hoặc vật liệu cách điện lên các cực của pin sạc nhỏ trước khi bỏ vào hộp.

Drop-off Locations 回收箱放置位置 회수박스 설치장소 Vị trí đặt thùng thu gom

City Hall Main Building (1F), All Municipal Branch Offices, Honkozaki Municipal Satellite Office, and Community Centers (Tobu, Seibu, Nanbu, and Minami Oita)
 市役所本庁舎1楼、各支所、本神崎联络所、大分东部、大分西部、大分南部、南大分公民馆
 시청 본청사 1층, 각 출장소, 혼간자키 연락소, 오이타 동부·오이타 서부·오이타 남부·미나미오이타 공민관
 Tầng 1 Trụ sở chính Tòa Thị Chính, các chi nhánh, văn phòng liên lạc Honkozaki, Trung tâm cộng đồng (Tobu, Seibu, Nanbu và Minami Oita).

Electronic waste can only be dropped off during business hours. 仅限政府办公日可以提供回收服务。
 회수할 수 있는 날은 청사나 출장소등이 개청하고 있을 때만입니다. Chỉ thu gom khi các tòa nhà thị chính, chi nhánh mở cửa.

Please contact the Environmental Policy Division(097-537-5687)with any questions.
 ※Consultation is available in Japanese only.
 有不明的地方请咨询环境政策课(097-537-5687) ※只有日语对应工作人员。
 불명확한 점은 환경정책과 (097-537-5687)에 문의해 주시기 바랍니다. ※다만 일본어만 대응이 가능합니다.
 Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ với Phòng Chính sách Môi trường (097-537-5687).
 *Chỉ tiếp nhận các cuộc gọi bằng tiếng Nhật.

Recyclable goods	可回收对象
재활용 대상품	Đối tượng tái chế

Televisions
 电视机
 텔레비전
 Tivi

Air conditioners
 空调
 에어컨
 Điều hòa

Clothes dryers
 衣服类干燥机
 의류 건조기
 Máy sấy quần áo

Washing machines
 洗衣机
 세탁기
 Máy giặt

Refrigerators
 冰箱
 냉장고
 Tủ lạnh

Computers
 笔记本电脑
 컴퓨터
 Máy tính

These items cannot be disposal of via paid collection service or at city garbage disposal facilities.
 既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。
 유료 수집의 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다.
 Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố.

Please consult the retail store, manufacturer, or Environmental Policy Division for information on disposal methods.
 该类物品的处理、请咨询销售店铺、生产商或环境政策课。
 판매점이나 업체, 또는 환경정책과문의해 주시기 바랍니다.
 Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng, nhà sản xuất hoặc Phòng Chính sách Môi trường.

Dangerous goods	危险品等
위험물 등	Vật liệu nguy hiểm, v.v.

Household medical waste (Needles only)
 家庭用过的医疗废弃物(仅限注射针管)
 가정에서 사용한 의료계 폐기물(주사기 만)
 Chất thải y tế gia đình(chỉ kim tiêm)

Batteries
 电池
 배터리
 Bình ắc quy

Tires
 轮胎
 타이어
 Lốp xe

Gas cylinders
 天然气罐
 가스통
 Bình ga

Paint, pesticides, etc.
 涂料、农药等
 도료, 농약 등
 Sơn, thuốc trừ sâu, v.v.

Fire extinguishers
 灭火器
 소화기
 Bình cứu hỏa

electric bike battery
 电动助力自行车电池
 전동 보조 자전거 배 터리
 Pin xe đạp điện

These items cannot be disposed of via paid collection service or at city garbage disposal facilities.
 既不可以采用收费回收、也不可以送至市指定的处理中心。
 유료 수집이 이용도, 시 처리 시설에 반입도 할 수 없습니다.
 Không thể sử dụng dịch vụ thu gom có trả phí hoặc mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố.

Please consult the retail store where the item was purchased.
 该类物品的处理、请咨询销售店铺。 이러한 처분에 대해서는 판매점에 상담해 주십시오.
 Để biết thêm thông tin về cách xử lý, vui lòng liên hệ với cửa hàng.

Dead Animal Collection

狗、猫等动物尸体

개, 고양이 등의 시체

Thu gom xác động vật như chó, mèo

Dead pets, such as dogs or cats, are collected for a fee, however, dead wild animals are collected free of charge. Please contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only.

家庭飼育の狗、猫等动物尸体可进行收费回收。但是,野外的狗、猫、小动物的尸体可免费回收。详情请咨询清扫业务课(097-568-5763)但是,只有日语对应工作人员。

가정에서 기르던 개, 고양이 등은 유료로 수집합니다. 다만, 야생의 개, 고양이, 소동물은 무료로 수집합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다.

Chúng tôi thu gom xác chó, mèo nuôi trong nhà có tính phí. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ thu gom miễn phí xác chó, mèo hoang và các động vật nhỏ khác. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.



Waste Disposal Service Division

TEL 097-568-5763

清扫业务课

TEL 097-568-5763

청소업무과

TEL 097-568-5763

Phòng Nghiệp vụ Vệ sinh

TEL 097-568-5763

Paid Collection

收费回收

유료수집

Thu gom rác trả phí

It is possible to pay to have oversized garbage or large amounts of garbage picked up for disposal. Contact the Waste Disposal Service Division (097-568-5763) for further information. Consultation is available in Japanese only.

如果以家庭为单位进行大件垃圾或一次性大量垃圾回收,是由市政府进行收费回收。详情请咨询清扫业务课(097-568-5763)但是,只有日语对应工作人员。

대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기의 호별 수집을 희망하는 경우는,시는 유료로 수집을 실시합니다. 자세한 것은, 청소 업무과 (097-568-5763)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다.

Nếu bạn có nhu cầu thu gom rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn tại nhà, thành phố sẽ cung cấp dịch vụ thu gom rác có tính phí. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ Vệ Sinh (097-568-5763). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.



Bringing garbage to the disposal facility

将垃圾送至处理中心

쓰레기 처리 시설에 반입

Mang đến cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải

It is possible to bring oversized and large amounts of garbage directly to disposal facilities. Please contact the Waste Disposal Facilities Division (097-537-5659) for further information. Consultation is available in Japanese only.

大件垃圾一次性大量垃圾可以送至、本市的处理中心。详情请咨询清扫业务课(097-537-5659)。但是、只有日语对应工作人员。

대형 쓰레기나 일시적인 다량의 쓰레기는 스스로 시의 처리 시설에 반입할 수 있습니다. 자세한 것은, 청소 시설과 (097-537-5659)에 문의해 주세요. 단, 일본어만 대응 가능합니다.

Người dân có thể tự mang rác cồng kềnh, rác phát sinh số lượng lớn đến các cơ sở tiếp nhận xử lý rác thải của thành phố. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với Phòng Cơ sở Vệ Sinh (097-537-5659). Xin lưu ý rằng chúng tôi chỉ hỗ trợ tiếng Nhật.

Waste Disposal Facilities Division

TEL 097-537-5659

清扫设施课

TEL 097-537-5659

청소시설과

TEL 097-537-5659

Phòng Cơ sở Vệ Sinh

TEL 097-537-5659

福宗環境センター

Fukumune Waste Disposal Center

福宗环境中心

후쿠무네 환경 센터

Trung tâm môi trường Fukumune

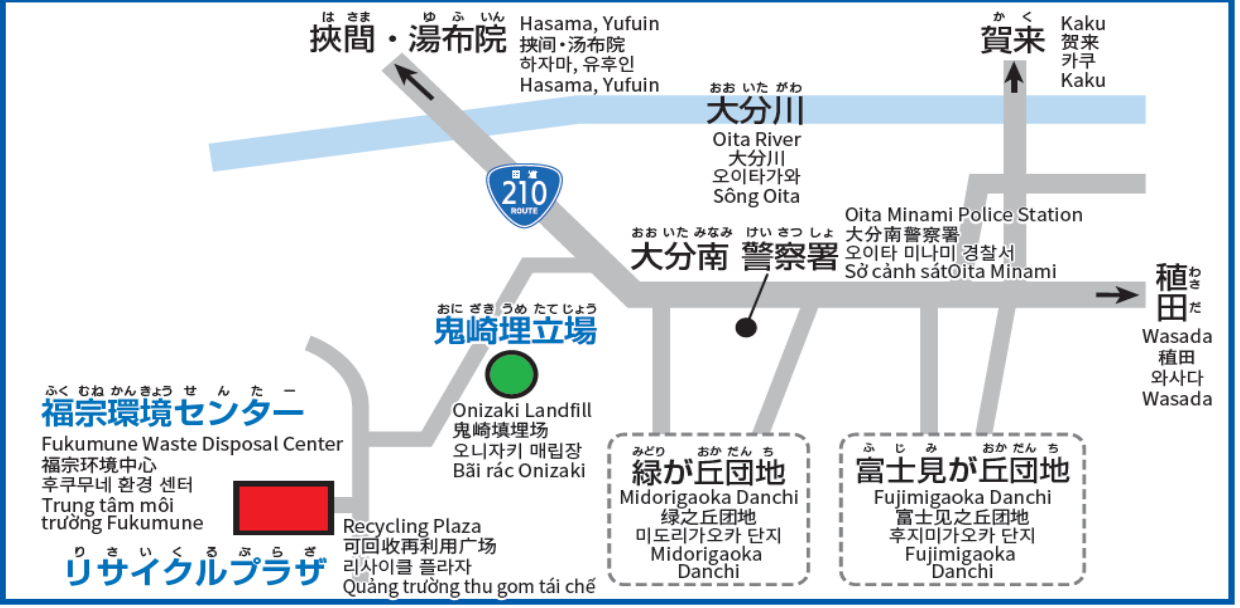
所在地：大分市大字福宗618番地 TEL：097-588-0113

Fukumune Waste Disposal Center (Onizaki Landfill, Recycling Plaza) Address: 618, Oaza-Fukumune, Oita City

福宗环境中心(鬼崎埋立場—可回收再利用广场) 地址:大分市大字福宗618番地

후쿠무네 환경 센터(오니자키 매립장, 리사이클 플라자) 주소: 오이타시 오아자 후쿠무네 618번지

Địa chỉ: 618 Oaza-Fukumune, Thành phố Oita



佐野清掃センター

Sano Waste Disposal Center

佐野清扫中心

사노 청소센터

Trung tâm vệ sinh Sano

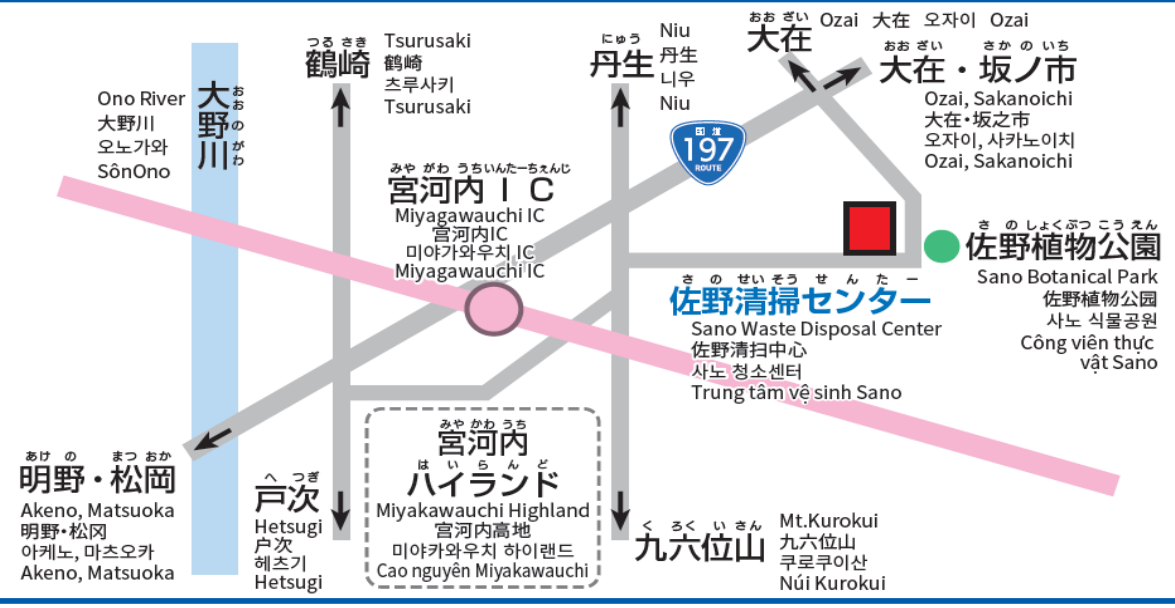
所在地：大分市大字佐野3400番地の10 TEL：097-593-4047

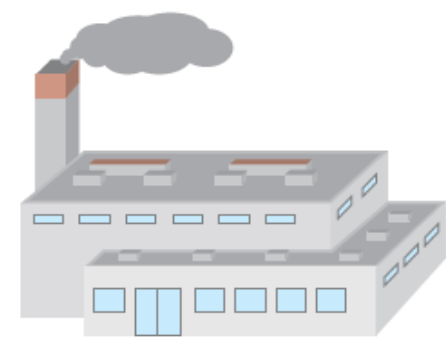
Sano Waste Disposal Center Address: 10, 3400, Oaza-Sano, Oita City

佐野清扫中心 地址:大分市大字佐野3400番地10

사노 청소센터 주소: 오이타시 오아자 사노 3400번지 10

Địa chỉ: 3400-10 Oaza-Sano, Thành phố Oita







大分市公式LINEでごみの分別・収集に関する情報をお知らせします。

Add the Oita City account on LINE to receive information on proper waste disposal.

垃圾分类和收集信息将通过大分市官方LINE提供。

오이타시 공식 LINE에서 쓰레기의 분별 · 수집에 관한 정보를 알려드립니다.

Không hỗ trợ tiếng Việt.



せいかつじょうほう

Living Guide

生活指南

생활 가이드

Không hỗ trợ tiếng Việt.





大分市国際課SNS

Oita City International Affairs Division

大分市国际课社交媒体

오이타시 국제과 SNS

Mạng xã hội Phòng Quốc tế Thành phố Ōita